

T, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Số: 15/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Chị Hà Thị N**, sinh năm 1990;

- *Bị đơn*: **Anh Mai Thế L**, sinh năm 1988;

Đều ở địa chỉ: khu 5A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn*: Ông Bùi Đức D
– Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng C

Địa chỉ: Số 169 L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Chức vụ: Tổng Giám Đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Tiến S – Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Việt T – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị N và anh Mai Thế L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Chị N và anh L có 02 con chung là cháu Mai Hà Ánh H, sinh ngày 20/5/2011 và cháu Mai Thế H1, sinh ngày 06/01/2018. Khi ly hôn, chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1; anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi con chung thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:*

- Chị N và anh L không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản riêng và công sức đóng góp của vợ chồng.

- Về nợ chung: Anh L, chị N nợ Ngân hàng C phòng giao dịch huyện T theo hợp đồng tín dụng số 1301011/HĐTD ngày 17/01/2020 với số tiền gốc còn lại là 79.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng. Khi anh L và chị N ly hôn, anh L có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết với Ngân hàng.

2.3. *Về án phí:* Chị N tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0007511 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho chị N 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án, quyết định đã- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì ng- ời đã- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đã- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;

THẨM PHÁN

(đã ký)

- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Mai